

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST
Ngày 05/6/2018

”V/v ly hôn , con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Như Hoa – Ông Trần Quốc Đâu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Phương Thảo – Kiểm sát viên

Vào ngày 05 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số 690/2017/TLST-HNGĐ ngày 03/10/2017 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ ra xét xử số 31 /2018/QĐXX-ST ngày 09/4/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 23 ngày 17/5/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1991. Có mặt

Nơi ĐKKHKT: Xóm 4, xã Đ, huyện S1, tỉnh Nghệ An

Bị đơn: Anh Lê Văn Q, sinh năm 1984. Có mặt

Nơi ĐKKHKT: Khối 1, phường Đ, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Hồng K, chị Lê Thị H. Có mặt

Đều trú tại: Khối 11, phường T, thành phố Vinh, Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 10 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị L và anh Q đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện có đăng ký kết hôn vào

ngày 17/11/2011, tại UBND phường Đ, thành phố Vinh, Nghệ An. Vợ chồng sống hạnh phúc khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, đánh đập nhau. Sau đó đến tháng 9/2014 chị L về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và chị L, anh Q sống ly thân từ đó đến nay. Đến tháng 3/2015 chị đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài đến tháng 7/2017 chị trở về. Nay chị L thấy tình cảm vợ chồng không còn nên có nguyện vọng xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Thị Tú Q1, sinh ngày 27/9/2012. Quá trình chị đi làm ăn lao động ở nước ngoài thì cháu Q1 ở với anh Q từ tháng 3/2015 cho đến nay. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q1 cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Anh Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì chị không có ý kiến gì. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con một lần 180.000.000 đồng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành thì chị không đồng ý. Chị L chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản: Chị L thừa nhận anh chị có một số tài sản chung là số tiền 39.000.000 đồng trong thẻ ATM và 4 chỉ vàng. Khi chị đi lao động ở nước ngoài thì chị đã cầm số tài sản đó. Vì vậy, chị L đồng ý đưa lại cho anh Q số tiền 26.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu của anh Q, anh K, chị H về việc yêu cầu chị phải có nghĩa vụ cùng với anh Q trả nợ số tiền 55.000.000 đồng thì chị L không đồng ý mà chị cho rằng đó là nợ riêng của anh Q không liên quan gì đến chị.

Bị đơn anh Lê Văn Q trình bày: Anh Q thống nhất với chị L về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống. Anh Q cũng thống nhất trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nay chị L làm đơn xin ly hôn anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Q thống nhất vợ chồng có 01 con chung như chị L trình bày. Từ khi chị L đi xuất khẩu lao động thì một mình anh nuôi dưỡng cháu nên ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con một lần 180.000.000 đồng. Trong trường hợp chị L không đồng ý thì anh yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản: Anh Q cũng thống nhất tài sản của vợ chồng như chị L trình bày và yêu cầu chị L trả lại cho anh Q số tiền 26.000.000 đồng.

Về nợ: Anh Q cho rằng trong thời gian chị L đi lao động ở nước ngoài anh ở nhà phải vay mượn tiền của bạn bè để chăm sóc con. Cụ thể là anh vay của anh Nguyễn Hồng K và chị Lê Thị H hai lần vào các ngày 12/4/2015 với số tiền là 30.000.000 đồng và ngày 01/9/2017 với số tiền là 25.000.000 đồng. Tổng số tiền anh đã vay mượn của anh K, chị H là 55.000.000 đồng. Nay ly hôn thì anh có nguyện vọng là chị L phải có nghĩa vụ cùng với anh trả số tiền 55.000.000 đồng cho anh K, chị H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hồng K, chị Lê Thị H trình bày: Do có mối quan hệ quen biết với anh Q nên biết được hoàn cảnh khó khăn của anh Q. Vì vậy, khi anh Q đến vay tiền vợ chồng anh chị để nuôi con thì anh chị cũng đồng ý cho anh Q vay tiền. Cụ thể như sau:

Ngày 12/4/2015 với số tiền là 30.000.000 đồng

Ngày 01/9/2017 với số tiền là 25.000.000 đồng

Tổng số tiền anh Q đã vay mượn của anh K, chị H là 55.000.000 đồng. Khi đến vay tiền thì chỉ có anh Q đến vay, không có mặt chị L vì lúc đó anh K, chị H được biết là vợ chồng anh Q, chị L đang sống ly thân. Nay anh Q, chị L ly hôn thì anh yêu cầu anh Q, chị L phải trả lại cho vợ chồng anh số tiền là 55.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong giải quyết vụ án và đường lối giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của pháp luật tại điều 70, 71, 72, 73 BLTTDS

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử:

+ Về tình cảm: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lê Văn Q

+ Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung là Lê Thị Tú Q1, sinh ngày 27/9/2012 cho anh Lê Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi

con đủ tuổi trưởng thành. Chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 6/2018 cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành.

Buộc chị L phải trả cho anh Q số tiền 20.000.000 đồng tiền cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản: Công nhận sự thỏa thuận của anh Q, chị L như sau: Chị Nguyễn Thị L trả cho anh Lê Văn Q số tiền 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng).

Về nợ: Buộc anh Lê Văn Q trả cho anh Nguyễn Hồng K, chị Lê Thị H số tiền là 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng)

+ Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị L, anh Lê Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định

- Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện xin ly hôn anh Lê Văn Q, cư trú tại khối 1, phường Đ, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

{1} Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và kết hôn với anh Lê Văn Q trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An vào ngày 17/11/2011. Quá trình hôn nhân của chị L, anh Q đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét quá trình chung sống giữa chị L, anh Q thấy rằng: Sau khi kết hôn chị L và anh Q chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn xảy ra từ khoảng năm 2014. Nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã đánh đập nhau. Sau khi mâu thuẫn thì chị L đi lao động ở nước ngoài đến năm 2017 mới về. Tại phiên tòa chị L, anh Q đều

khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên thuận tình ly hôn. Vì vậy, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị L và anh Q

{2} Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Lê Văn Q thống nhất có một con chung là Lê Thị Tú Q1, sinh ngày 27/9/2012. Ly hôn, anh Q, chị L đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét nguyện vọng của anh Q, chị L là chính đáng thể hiện trách nhiệm của bố mẹ đối với con. Xét trong thời gian chị L đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài cháu Tú Q1 ở với anh Q và hiện nay cháu cũng đang ở với anh Q nên cần đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu nên cần giao cháu Tú Q1 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng trưởng thành là phù hợp.

Đối với việc anh Q yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con một lần cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành là 180.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị L không đồng ý việc cấp dưỡng nuôi con một lần như yêu cầu của anh Q mà chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Theo tinh thần tại Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 có quy định: “Về phương thức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận..... Trong trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng”. Như vậy, chị L không đồng ý cấp dưỡng nuôi con một lần nên việc anh Q yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con một lần không có căn cứ để chấp nhận.

Anh Q và chị L thống nhất cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000 đồng/tháng. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên nên cần chấp nhận.

Trong thời gian chị L đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, anh Q phải một mình chăm sóc con chung kể từ tháng 3/2015 cho đến nay. Quá trình anh Q chăm sóc con chung chị L không chu cấp cho cháu Tú Q1. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi cho cháu Tú Q1 thì cần buộc chị L phải trả lại cho anh Q khoản tiền 20.000.000 đồng tiền cấp dưỡng nuôi con từ tháng 3/2015 cho đến tháng 5/2018 là phù hợp.

{3} Về chia tài sản: Trước phiên hòa giải tại Tòa án anh Q, chị L tự thỏa thuận: Chị L trả lại cho anh Q số tiền 26.000.000 đồng. Xét sự thỏa thuận của các bên là tự nguyện và không trái với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Đối với số tiền 55.000.000 đồng anh Q đã vay mượn anh Nguyễn Hồng K, chị Lê Thị H. Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Q có khai L do vay mượn số tiền 55.000.000 đồng nhằm mục đích nuôi con và anh Q yêu cầu chị L phải có nghĩa

vụ cùng với anh trả số tiền 55.000.000 đồng cho anh K, chị H. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị L không đồng ý với yêu cầu của anh Q vì chị cho rằng anh Q vay số tiền trên nhằm mục đích khác chứ không phải vì mục đích nuôi con; khi anh Q vay tiền thì chị hoàn toàn không biết nên chị không đồng ý trả số tiền trên. Anh Nguyễn Hồng K, chị Lê Thị H yêu cầu anh Q, chị L trả số tiền 55.000.000 đồng.

Xét hai giấy thỏa thuận vay tiền đề ngày 12/4/2015 và ngày 01/9/2017 để do anh Q trực tiếp ký vào giấy vay tiền, chị L hoàn toàn không ký vào hai giấy vay tiền trên. Thời gian anh Q vay tiền là vào khoảng thời gian anh Q, chị L sống ly thân. Việc anh Q cho rằng anh vay tiền nhằm mục đích nuôi con là không có cơ sở chứng minh. Vì vậy, số tiền 55.000.000 đồng là tiền vay nợ riêng của anh Q chứ không phải là khoản tiền vay chung của chị L, anh Q. Nên cần buộc anh Q trả số tiền 55.000.000 đồng cho anh K, chị H là phù hợp.

{4} Về án phí: Chị Nguyễn Thị L, anh Lê Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 38, 51, 53, 55, 58, 59, 81, 82, 83 và Điều 84, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 466 Bộ Luật Dân sự Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 244; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lê Văn Q

2. Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung là Lê Thị Tú Q1, sinh ngày 27/9/2012 cho anh Lê Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành; Chị Nguyễn Thị L phải đóng góp nuôi con với anh Lê Văn Q số tiền là 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 6/2018 cho đến khi cháu Tú Q1 đủ tuổi trưởng thành.

Buộc chị Nguyễn Thị L phải trả cho anh Lê Văn Q số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) tiền cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Công nhận sự thỏa thuận của anh Q, chị L như sau: Chị Nguyễn Thị L trả cho anh Lê Văn Q số tiền 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng).

Về nợ: Buộc anh Lê Văn Q trả cho anh Nguyễn Hồng K, chị Lê Thị H số tiền là 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng)

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 000025 ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Chị Nguyễn Thị L còn phải chịu 300.000đ ((Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST.

Anh Lê Văn Q phải chịu 2.750.000đ (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí DSST.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND TP. Vinh
- Chi cục THADS TP. Vinh
- UBND phường Đ
- Các đương sự
- Lưu HS

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Minh Hiền